

Số: /TTr-UBND

Sóc Trăng, ngày tháng năm 2020

TỜ TRÌNH

Về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 3, 4, 10, 11, 14, 16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng

Thực hiện quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14, 16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ BAN HÀNH NQ

- Để triển khai Luật Phí và lệ phí, Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016; Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 và Nghị quyết số 19/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng. Qua triển khai thực hiện, Nghị quyết cơ bản đã đạt được các mục tiêu, yêu cầu đề ra, cụ thể là: đồng bộ, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật về phí và lệ phí của các tổ chức, cá nhân; tạo nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

- Ngày 29/11/2019, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để thay thế Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 và Thông tư số 96/2017/TT-BTC ngày 27/9/2017 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính.

- Hiện nay, cơ sở pháp lý ban hành Nghị quyết nêu trên (Các Thông tư của Bộ Tài chính; Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định của Chính phủ) đã được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế nên một số loại phí và lệ phí tại Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 07/12/2016 và Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017 không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong giai đoạn hiện nay. Do đó, đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14, 16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng là cần thiết.

- Đối với phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết và phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung:

+ Ngày 13/5/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường. Theo đó sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Trong đó quy định trường hợp lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường; lập phương án cải tạo phục hồi môi trường, lập lại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

+ Ngày 31/12/2019, Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường. Theo đó kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực (15/02/2020) Thông tư số 26/2015/TT-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2015 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản hết hiệu lực thi hành. Do đó, việc lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết hiện nay không còn hiệu lực.

Vì vậy, cần thiết phải điều chỉnh đối tượng thu phí quy định tại phụ lục 2 và phụ lục 3 của Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định thu, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và các nội dung tại Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy định thu, mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đối với phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

Để đáp ứng yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Văn phòng đăng ký đất đai đã thực hiện rà soát lại quy định hiện hành để xây dựng mức thu phí, lệ phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất và đăng ký giao dịch bảo đảm. Tuy nhiên, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ban hành và có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, đồng thời Nghị định số 120/2016/NĐ-CP, ngày

23/8/2016 của Chính phủ; Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính có hiệu lực từ ngày 13/01/2020 không quy định cụ thể mức thu, tỷ lệ để lại mà do căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương và tính chất phức tạp của từng loại hồ sơ. Tuy nhiên, việc xác định mức thu do chưa tham khảo được các địa phương có hoàn cảnh kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Sóc Trăng vì các địa phương cũng chưa xây dựng mức thu mới theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC. Vì vậy, Văn phòng Đăng ký đất đai áp dụng Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT ngày 20/7/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất để xây dựng mức thu đối với phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính. Riêng phí đăng ký giao dịch bảo đảm lấy mức thu tương quan về đăng ký giao dịch bảo đảm theo Thông tư số 202/2016/TT-BTC ngày 09/11/2016 và Thông tư số 113/2017/TT-BTC, ngày 20/10/2017 của Bộ Tài chính để xây dựng mức thu cho đối tượng chịu phí, lệ phí áp dụng trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Mức thu xây dựng về phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất: Trước đây xây dựng theo Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014, mức cao nhất không quá 7.500.000 đồng/hồ sơ và đến Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 thay thế Thông tư số 02/2014/TT-BTC không quy định mức thu mà căn cứ vào mức thu cũ và tham khảo các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng với tỉnh Sóc Trăng. Khi Thông tư số 250/2016/TT-BTC có hiệu lực thi hành thì Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 trên cơ sở mức thu cũ (không xây dựng mức thu mới). Nay Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 85/2019/TT-BTC thay đổi đối tượng nộp phí thẩm định. Vì vậy, phải xây dựng mới nên mức thu có thay đổi so với Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 cụ thể:

- + Bãi bỏ Phí thẩm định đối với trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiến hành thẩm định để giao đất, cho thuê đất.

- + Giữ lại Phí thẩm định đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu nhà gắn liền với quyền sử dụng đất của tổ chức mức thu cũ có 02 mức là 2.500.000 đồng/ hồ sơ và 5.000.000 đồng/hồ sơ, nay mức thu mới là 1.285.000 đồng/hồ sơ; hộ gia đình, cá nhân với mức thu cũ thấp nhất là 150.000 đồng/hồ sơ và mức cao nhất là 600.000 đồng/hồ sơ (bình quân là 325.000 đồng/hồ sơ), nay mức mới xây dựng theo định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT có 02 mức là 570.000 đồng/hồ sơ và 575.000 đồng/hồ sơ (bình quân 572.500 đồng/hồ sơ).

- + Xây dựng mới mức thu phí thẩm định đối với trường hợp nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bao gồm cấp, cấp đổi, cấp lại giấy chứng nhận và chứng nhận biến động vào Giấy chứng nhận đã cấp) theo Thông tư số 85/2019/TT-BTC và định mức quy định tại Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT.

Tương tự mức thu lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trước đây xây dựng theo Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 mức cao nhất không quá 500.000 đồng/giấy và mức thấp nhất không quá 20.000 đồng/giấy và đến Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 thay thế Thông tư số 02/2014/TT-BTC không quy định mức thu. Đến Thông tư số 85/2019/TT-BTC cũng không quy định mức thu, nên áp dụng định mức theo quy định Thông tư số 14/2017/TT-BTNMT để xây dựng mức thu về lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất có thay đổi so với Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND, cụ thể: Mức thu cũ có mức thấp nhất là 10.000 đồng/giấy và cao nhất là 500.000 đồng/giấy, với mức mới có mức thấp nhất là 50.000 đồng/giấy và cao nhất là 300.000 đồng/giấy.

Về đối tượng được miễn phí, lệ phí theo Quy định tại Điều 6 Thông tư số 85/2019/TT-BTC, do Hội đồng nhân dân quyết định cụ thể đối tượng được miễn, giảm trên cơ sở căn cứ vào quy định tại các luật chuyên ngành và các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành luật có liên quan về miễn, giảm phí, lệ phí. Hiện nay chưa có quy định cụ thể về đối tượng miễn nên trên cơ sở mức thu đơn vị thu phí vận dụng Thông tư số 202/2016/TT-BTC để xây dựng đối tượng miễn phí trong lĩnh vực đăng ký giao dịch bảo đảm và hiện vẫn còn phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Riêng phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất không có quy định tại các văn bản chuyên ngành nên Sở Tài nguyên và Môi trường không xây dựng đối tượng miễn.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VIỆC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Triển khai thi hành pháp luật và sự tuân thủ pháp luật của địa phương dựa theo điều kiện kinh tế xã hội của địa phương. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước, quản lý ngân sách nhà nước theo phân cấp.

2. Quan điểm chỉ đạo

Để thực hiện tốt mục tiêu nêu trên, dự thảo Nghị quyết được thực hiện theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; và Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính, nhằm bảo đảm các quy định có tính kế thừa và phát triển phù hợp với thực tiễn của địa phương và đảm bảo sử dụng có hiệu quả ngân sách nhà nước.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Quá trình soạn thảo

Ngày 05/5/2020, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 693/UBND-TH giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các sở, ngành tỉnh rà soát sự cần thiết trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Ngày 25/5/2020, Sở Tài chính có Công văn số 1913/STC-NS đề nghị Công an tỉnh và các sở chủ trì dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân thuộc lĩnh vực cơ quan mình phụ trách, gửi về Sở Tài chính để tổng hợp chung vào một Tờ trình và Nghị quyết sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trong kỳ họp cuối năm 2020. Qua đó, đã có 10 đơn vị gửi Văn bản về Sở Tài chính để tổng hợp (Sở Nội vụ, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Sở Giao thông Vận tải, Sở Tư pháp, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Công an tỉnh), trong đó, chỉ có Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Kế hoạch và Đầu tư có nhu cầu sửa đổi, bổ sung một số loại phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng thuộc lĩnh vực cơ quan mình phụ trách trong kỳ họp cuối năm 2020.

Sau khi tổng hợp, Sở Tài chính đã dự thảo chung Tờ trình và Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14,16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và gửi Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố lấy ý kiến tại Công văn số .../STC-NS, ngày ...10/2020 (thời hạn cuối là ngày 06/11/2020). Hết thời hạn trên, Sở Tài chính đã nhận được ... ý kiến góp ý của đơn vị, địa phương, *đính kèm*.

Qua tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, Sở Tài chính đã nghiên cứu tiếp thu và tổng hợp tại Bảng tổng hợp và giải trình việc tiếp thu ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết và có Công văn số/STC-NS, ngày/11/2020 gửi Sở Tư pháp đề nghị thẩm định.

2. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số .../BC-STP ngày .../11/2020 báo cáo kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14,16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, *đính kèm*.

3. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14,16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và có Công văn số .../STC-NS, ngày .../11/2020 trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA NGHỊ QUYẾT

A. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, gồm có 02 điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14,16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Điều 2. Quy định về tổ chức thực hiện.

B. Nội dung cơ bản của Nghị quyết

Nghị quyết về việc thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục 2, 4, 10, 11, 14,16 ban hành kèm theo Nghị quyết số 92/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng, cụ thể như sau:

1. Thay thế khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 23/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 và phụ lục số 2 về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết.

2. Thay thế phụ lục số 3 về phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung.

3. Thay thế phụ lục số 4 về phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

4. Thay thế phụ lục số 10 về phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.

5. Thay thế phụ lục số 11 về phí đăng ký giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

6. Thay thế phụ lục số 14 về lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất.

7. Thay thế phụ lục số 16 về lệ phí đăng ký kinh doanh.

(Chi tiết theo 07 phụ lục đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua; *đính kèm nội dung dự thảo Nghị quyết, Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các đơn vị và Báo cáo giải trình tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp./.*

Nơi nhận:

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH đơn vị tỉnh ST;
- Thành viên UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp, Sở Tài chính;
- Lưu: NC,LT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**